

Bản án số: 24/2025/HS-ST
Ngày 21/02/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bình Quyền; chức vụ, nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa.

Ông Bùi Khắc Dương; chức vụ, nghề nghiệp: Giáo viên Trường Tiểu học thị trấn Bút Sơn 1, huyện Hoàng Hóa.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 18/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn C;** sinh ngày 22 tháng 10 năm 2004 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD 038204030363; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 04/10/2024, tạm giam ngày 12/10/2024 đến nay. Có mặt.

2. **Đinh Sĩ H;** sinh ngày 06 tháng 12 năm 2003 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD 038203036062; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Sỹ T1 và bà Đỗ Thị L1; vợ: Hà Thị B và có 01 con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 06/10/2024, tạm giam ngày 12/10/2024 đến nay. Có mặt.

3. **Hà Văn H1;** sinh ngày 28 tháng 6 năm 2007 (tính đến ngày phạm tội là 17 tuổi 3 tháng 04 ngày) tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD 03820714264; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T2 và bà Hà Thị N; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; Nhân

thân: Cáo trạng số 09/CT-VKSNX ngày 26/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 06/10/2024, tạm giam ngày 12/10/2024 đến nay. Có mặt.

4. **Lê Hồng T3**; sinh ngày 17 tháng 5 năm 2007 (tính đến ngày phạm tội là 17 tuổi 04 tháng 15 ngày) tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Phố P, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD 038207027057; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng T4 và bà Hoàng Thị X; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 06/10/2024, tạm giam ngày 12/10/2024 đến nay. Có mặt.

5. **Lê Văn A**; sinh ngày 01 tháng 6 năm 2008 (tính đến ngày phạm tội là 16 tuổi 04 tháng 01 ngày) tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD 038208012636; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T5 và bà Trương Thị N1; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. **Nguyễn Văn D**; sinh ngày 25 tháng 11 năm 2006 (tính đến ngày phạm tội là 17 tuổi 11 tháng 07 ngày) tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD 038206025284; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị T6; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. **Nguyễn Trung K**; sinh ngày 31 tháng 3 năm 2006 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD 038206001767; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến L2 và bà Nguyễn Thị T7; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. **Lê Minh Q**; sinh ngày 20 tháng 3 năm 2008 (tính đến ngày phạm tội là 16 tuổi 06 tháng 12 ngày) tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD 038208031419; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S và bà Lê Thị T8; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

9. **Lê Văn T9**; sinh ngày 07 tháng 3 năm 2007 (tính đến ngày phạm tội là 17 tuổi 06 tháng 25 ngày) tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD 070207005987; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D1 và bà Lương Thị L3; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

10. **Vũ Tấn T10**; sinh ngày 05 tháng 3 năm 2008 (tính đến ngày phạm tội là 16 tuổi 06 tháng 27 ngày) tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD 038208013341; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T11 và bà Lê Thị Q1; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

11. **Lường Hữu Huy H3**; sinh ngày 19 tháng 3 năm 2008 (tính đến ngày phạm tội là 16 tuổi 06 tháng 15 ngày) tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD 038208020298; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Hữu C1 và bà Nguyễn Thị N2 (đã chết); vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

12. **Nguyễn Hữu T12**; sinh ngày 23 tháng 8 năm 2006 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD 038206016429; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Đ và bà Lê Thị T13; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/10/2024 đến ngày 12/10/2024 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Bị cáo đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

13. **Nguyễn Văn L4**; sinh ngày 24 tháng 5 năm 2006 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD 038206014874; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T14 và bà Nguyễn Thị H4; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/10/2024 đến ngày 12/10/2024 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Bị cáo đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

14. **Lê Tuấn A1**; sinh ngày 11 tháng 10 năm 2006 (tính đến ngày phạm tội là 17 tuổi 11 tháng 21 ngày) tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD 038206033474; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C2 và bà Trần Thị L5; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

15. **Nguyễn Đức M**; sinh ngày 06 tháng 01 năm 2008 (tính đến ngày phạm tội là 16 tuổi 09 tháng 26 ngày) tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD 038208012502; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B1 và bà Nguyễn Thị X1; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Hà Văn H1: Bà Hà Thị N, sinh năm 1982 (Mẹ đẻ bị cáo). Có mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Hồng T3: Ông Lê Hồng T15, sinh năm 1980 (Bố đẻ bị cáo). Có mặt.

Địa chỉ: Phố P, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Văn A: Bà Trương Thị N1, sinh năm 1987 (Mẹ đẻ bị cáo). Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Vũ Tấn T10: Ông Vũ Văn T11, sinh năm 1979 (Bố đẻ bị cáo). Có mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Minh Q: Ông Lê Văn S, sinh năm 1978 (Bố đẻ bị cáo). Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Văn T9: Ông Lê Văn D1, sinh năm 1978 (Bố đẻ bị cáo). Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lương Hữu Huy H3: Ông Lương Hữu C1, sinh năm 1976 (Bố đẻ bị cáo). Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Đức M: Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1981 (Bố đẻ bị cáo). Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Tuấn A1: Ông Lê Văn C2, sinh năm 1985 (Bố đẻ bị cáo). Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn D: Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1986 (Mẹ đẻ bị cáo). Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn H1 và Lê Văn A: Bà Nguyễn Thị Q2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh Q và Lương Hữu Huy H3: Bà Lê Thị P - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hồng T3 và Vũ Tấn T10: Bà Lê Thu H5 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức M: Bà Nguyễn Thị Nữ H6 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T9: Bà Lương Thanh V - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Cháu Nguyễn Văn T16, sinh ngày 30/5/2008. Có mặt.

Người đại diện: Bà Nguyễn Thị T17, sinh năm 1975 (Mẹ đẻ cháu T16). Có mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Cháu Cao Đăng Thành Đ1, sinh ngày 12/3/2008. Có mặt.

Người đại diện: Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1982 (Mẹ đẻ cháu Đ1).

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

3. Cháu Chu Ánh S1, sinh ngày 29/02/2008. Vắng mặt.

Người đại diện: Bà Lê Thị L6, sinh năm 1982 (Mẹ đẻ cháu S1) Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

4. Cháu Hồ Quang Đ2, sinh ngày 13/11/2008. Có mặt.

Người đại diện: Bà Lê Thị Đ3, sinh năm 1983 (Mẹ đẻ cháu Đ2). Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

5. Cháu Lê Trương C3, sinh ngày 13/6/2011 Có mặt.

Người đại diện: Bà Lê Thị S2, sinh năm 1985 (Mẹ đẻ cháu C3). Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

6. Cháu Nguyễn Quốc Đ4, sinh ngày 03/02/2009. Có mặt.

Người đại diện: Bà Vũ Thị V1, sinh năm 1983 (Mẹ đẻ cháu Đ4) Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

7. Cháu Nguyễn Danh V2, sinh ngày 18/10/2009. Vắng mặt.

Người đại diện: Bà Nguyễn Thị T18, sinh năm 1986 (Mẹ đẻ cháu V2) Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

8. Cháu Lê Quốc Nghĩa T19, sinh ngày 08/6/2009. Vắng mặt.

Người đại diện: Bà Lê Thị L7, sinh năm 1972 (Mẹ đẻ cháu T19) .Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

9. Cháu Lê Đình N3, sinh ngày 06/10/2009. Vắng mặt.

Người đại diện: Bà Lương Thị Á, sinh năm 1972 (Mẹ đẻ cháu N3). Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19^h30' ngày 02/10/2024, các thành viên trong nhóm facebook “Đ5 khai sát giới” tập trung ở phòng trọ của Nguyễn Văn C ở xã H gồm Nguyễn Văn C, Đinh Sĩ H, Lê Văn A, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trung K, Lê Minh Q; Lê Trương C3, sinh ngày 13/6/2011 ở thôn T, xã H; Hồ Q, sinh ngày 13/11/2008 ở thôn N, xã H; T, sinh ngày 30/8/2009 ở thôn V, xã H; Nguyễn Quốc Đ4, sinh ngày 03/02/2009 ở thôn K, xã H. Tại đây, C kể chuyện đang mâu thuẫn với Nguyễn

Hữu T12 và rủ cả nhóm đi đánh Nguyễn Hữu T12, cả nhóm đồng ý; khoảng 20^h cùng ngày, cả nhóm tập trung tại sân khấu biển thuộc xã H, huyện H; C gọi điện cho T12 chửi nhau, thách thức đánh nhau; cả hai hẹn gặp nhau tại quán B2; lúc này, T12 đang ở quán B2 cùng với bạn là Nguyễn Văn L4, Lê Tuấn A1 và Nguyễn Đức M nên T12 kể lại cho những người này biết việc hẹn đánh nhau với C; sau đó, nhóm C đi đến quán B2 để tìm đánh T12; khi đi qua quán nước gần đền T20 thuộc xã H, nhóm của C gặp Hà Văn H1, Lê Hồng T3, Vũ Tấn T10, Lê Văn T9, Lường Hữu Huy H3; Lê Quốc Nghĩa T19, sinh ngày 08/6/2009 và Lê Đình N3, sinh ngày 06/10/2009 ở thôn C, xã H, Nguyễn Danh V2, sinh ngày 18/10/2009 thôn Q, xã H. C và Hồ Quang Đ2 rủ nhóm H1, T3 đi đánh nhau thì được cả nhóm H1, T3 đồng ý. Trên đường đi đến quán B2, C và T12 liên tục liên lạc với nhau để thách thức đánh nhau; khi gần đến nơi, nhóm của C để xe ở ngoài vỉa hè rồi đi bộ vào phía trong quán B2; đi được khoảng 10m thì gặp nhóm của T12 gồm Nguyễn Hữu T12, Nguyễn Văn L4, Lê Tuấn A1 và Nguyễn Đức M; gặp nhau, nhóm của T12 cầm gậy bi-a chạy ra đuổi đánh nhóm của C; do chỉ có tay không, nhóm C chạy lại chỗ để xe rồi điều khiển xe bỏ đi; sau đó chia thành 02 nhóm. Một nhóm gồm C, H, Hồ Quang Đ2, A2, Nguyễn Quốc Đ4, H1, A, Q, H3 đi về khu vực gần nhà hàng T21 tại xã H tập hợp lại. Nhóm còn lại tập hợp lại gần Bệnh viện Đ6; lúc này, H bảo với cả nhóm tập hợp tại khu vực nhà hàng T21 đi lấy vỏ chai bia quay lại tìm nhóm T12 ném, thì cả nhóm cùng đồng ý; C chở H, Anh chở Đ4 đi lấy được 04 két vỏ chai bia mang lại chỗ mọi người đang đứng chờ; C lấy 04 vỏ chai, Đ4 cầm 02 vỏ chai, Q cầm 02 vỏ chai, Nguyễn Quốc Đ4 cầm 02 vỏ chai, H1 cầm 04 vỏ chai, A2 cầm 07 vỏ chai, H3 cầm 02 vỏ chai, Anh cầm 01 vỏ chai rồi cùng nhau đi về hướng quán bi-a Bình M1 để đánh nhau với nhóm của T12. Trên đường đi, C gọi điện cho K thì K nói đang đứng gần cổng Bệnh viện Đ6, C bảo K đứng đợi để cùng nhau đi ném chai bia nhóm T12; nghe vậy, nhóm K đứng lại đợi nhóm C; một lát sau, nhóm C đi đến tập hợp với nhóm K, D, C3, T3, Tấn T10, Văn T9; lúc này, H, C và Đ4 điều khiển xe đi đến đứng đối diện quán B2, C gọi điện cho T12 nói “Bọn tao đang ở trước quán”; sau khi nghe máy, T12, L4, Tuấn A1, M1 cầm gậy đánh bi-a chạy ra phía ngoài đường để đánh nhau với nhóm của C; thấy nhóm T12 chạy ra, C, H, Đ4 cầm vỏ chai bia ném từ bên này đường về phía nhóm của T12; những người còn lại trong nhóm của C đi xe máy ngược đường qua chỗ nhóm T12 và sử dụng vỏ chai bia ném về phía T12; T12 cầm gậy bi-a ném về phía nhóm C; cả hai nhóm vừa chửi nhau và ném nhau gây mất trật tự cả khu vực xung quanh; nhóm của C sau khi ném hết vỏ chai bia thì đi về phía biển rồi tự giải tán; nhóm T12 thấy nhóm C bỏ đi cũng tự giải tán. Sự việc xảy ra làm cho người dân ở quanh khu vực hoang mang, lo sợ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự chung, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường nơi công cộng.

Ngày 02/10/2024, Ủy ban nhân dân xã H, Công an xã H và Trưởng thôn 5, xã H đã có văn bản báo cáo đánh giá trong quá trình xảy ra vụ việc, các đối tượng sử dụng vỏ chai bia, gậy bi-a để đánh, ném nhau tại khu vực lòng đường Tỉnh lộ

510B hướng xã H đi thị trấn B phía trước khu vực từ trước G ở thôn E, xã H đến trước cửa hàng xe máy Năm H7 ở thôn F, xã H. Địa điểm xảy ra vụ việc là tuyến giao thông huyết mạch của xã H nói riêng và các xã ven biển của huyện H nói chung, có đông người dân và phương tiện qua lại lưu thông. Hành vi của các đối tượng đã gây ách tắc giao thông, gây hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân sống xung quanh nơi xảy ra vụ việc, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, coi thường pháp luật, cố ý phá vỡ tình trạng ổn định, có tổ chức, có kỷ luật ở nơi công cộng, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của mọi người nơi công cộng.

Tại Biên bản xác định hiện trường hồi 23^h30' ngày 02/10/2024 thể hiện: Hiện trường vụ việc được xác định xảy ra tại đoạn đường ĐT-510B khu vực từ trước Garage B 123 ở thôn E, xã H đến trước cửa hàng xe máy Năm H7 ở thôn F, xã H. Tại hiện trường thu giữ các mảnh vỡ thủy tinh dạng chai bia và 01 đoạn đầu gậy bi-a.

Về vật chứng: 01 gậy gỗ tròn dài 73,5cm, đầu lớn đường kính 3cm, đầu nhỏ đường kính 2,2cm, đầu nhỏ bọc kim loại màu trắng có vít vặn nổi gậy (dạng đoạn đầu gậy bi-a) và các mảnh vỡ thủy tinh.

Cáo trạng số 21/CTr-VKSHH ngày 19 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C, Đinh Sĩ H, Hà Văn H1, Lê Hồng T3, Lê Văn A, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trung K, Lê Minh Q, Lê Văn T9, Vũ Tấn T10, Lường Hữu Huy H3, Nguyễn Hữu T12, Nguyễn Văn L4, Lê Tuấn A1 và Nguyễn Đức M về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên. Sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân người phạm tội; đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn C và Đinh Sĩ H. Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự; Điều 119; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Hà Văn H1. Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T12, Nguyễn Văn L4 và Nguyễn Trung K. Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 119, Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên đối với các bị cáo Lê Hồng T3; Lê Văn A, Nguyễn Văn D, Lê Minh Q, Lê Văn T9, Vũ Tấn T10, Lường Hữu Huy H3, Lê Tuấn A1 và Nguyễn Đức M;

Khoản 4 Điều 328 (Đối với Lê Hồng T3); điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều

21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo như sau:

- Bị cáo Nguyễn Văn C từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2024.

- Bị cáo Đinh Sĩ H từ 27 tháng tù đến 33 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/10/2024.

- Bị cáo Hà Văn H1 từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/10/2024.

- Bị cáo Nguyễn Hữu T12 từ 27- 33 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi.

- Các bị cáo Nguyễn Văn L4 và Nguyễn Trung K mỗi bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi.

- Các bị cáo Lê Hồng T3, Lê Văn A, Nguyễn Văn D, Lê Minh Q, Lê Tuấn A1 và Lương Hữu Huy H3 mỗi bị cáo từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi.

- Các bị cáo Lê Văn T9, Vũ Tấn T10 và Nguyễn Đức M mỗi bị cáo từ 15-18 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi.

Trong thời gian thử thách giao các bị cáo được hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục;

Trả tự do ngay cho bị cáo Lê Hồng T3 tại phiên tòa.

Về án phí, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định, riêng bị cáo Lương Hữu Huy H3 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 35/BBGN ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo: Hà Văn H1, Lê Hồng T3, Lê Văn A, Lê Minh Q, Lê Văn T9, Vũ Tấn T10, Lương Hữu Huy H3, Nguyễn Đức M trình bày: Về tội danh và điều luật đề nghị xét xử với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét đến điều kiện hoàn cảnh gia đình của các bị cáo không có tiền tiết tăng nặng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo khi phạm tội đều chưa đủ 18 tuổi, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, đồng thời các bị cáo luôn chấp hành và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú nên đủ khả năng tự cải tạo thành công dân tốt; bên cạnh đó các bị cáo tuổi đời còn trẻ, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo Lê Hồng T3 đầu thú, gia đình đang thờ cúng liệt sỹ; bị cáo Lương Hữu Huy H3, mẹ chết, gia đình có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ nghèo, hiện nay đang đi học, gia đình đang thờ cúng liệt sỹ; bị cáo Lê Minh Q có bà nội được tặng kỷ niệm chương chiến sỹ T, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị bệnh hiểm nghèo; bị cáo Lê Văn A có bà nội được nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba; bị cáo

Lê Văn T9 luôn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, từ trước đến nay không có vi phạm gì, được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo Vũ Tấn T10 đang thờ cúng liệt sỹ; bị cáo Nguyễn Đức M có ông nội, ông ngoại, bà ngoại được Chủ tịch UBND tỉnh T tặng Bằng khen trong cuộc kháng chiến chống mỹ cứu nước nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị HĐXX xem xét không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ sức răn đe giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội. Đối với bị cáo Hà Văn H1 đề nghị mức án thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị miễn án phí cho bị cáo Lương Hữu Huy H3, do gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo đang được hưởng chính sách của nhà nước.

Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo Hà Văn H1, Lê Hồng T3, Lê Văn A, Lê Minh Q, Lê Văn T9, Vũ Tấn T10, Lương Hữu Huy H3 và Nguyễn Đức M đều thống nhất với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và nhất trí với phần bào chữa của người bào chữa; lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất và cho các bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định:

Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân giữa Nguyễn Văn C và Nguyễn Hữu T12; khoảng 20^h ngày 02/10/2024, Nguyễn Văn C rủ Đinh Sỹ H8, Lê Văn A, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trung K, Lê Trương C3, Hồ Quang Đ2, Lê Minh Q, Trương Đình Duy A2, Nguyễn Quốc Đ4, Hà Văn H1, Lê Hồng T3, Vũ Tấn T10, Lê Văn T9, Lương Hữu Huy H3, Lê Quốc Nghĩa T19, Lê Đình N3, Nguyễn Danh V2 đi đến quán B2 để đánh nhau với Nguyễn Hữu T12. Ban đầu, do không chuẩn bị hung khí nên nhóm của C bị nhóm của Nguyễn Hữu T12, Nguyễn Văn L4, Lê Tuấn A1

và Nguyễn Đức M cầm gậy bi-a đuổi đánh phải bỏ chạy. Sau đó, nhóm của C đi lấy vỏ chai bia rồi quay lại dùng vỏ chai bia ném về nhóm của T12. Cả hai nhóm chửi bới, dùng gậy bi-a và vỏ chai bia ném nhau nơi công cộng.

Hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân khi sự việc xảy ra. Do đó các bị cáo Nguyễn Văn C, Đinh Sỹ H8, Hà Văn H1, Lê Hồng T3, Lê Văn A, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trung K, Lê Minh Q, Lê Văn T9, Vũ Tấn T10, Lương Hữu Huy H3, Nguyễn Hữu T12, Nguyễn Văn L4, Lê Tuấn A1 và Nguyễn Đức M bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa truy tố theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự về tội “Gây rối trật tự công cộng” là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án thì thấy: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn C, Đinh Sỹ H8, Hà Văn H1, Lê Hồng T3, Lê Văn A, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trung K, Lê Minh Q, Lê Văn T9, Vũ Tấn T10, Lương Hữu Huy H3, Nguyễn Hữu T12, Nguyễn Văn L4, Lê Tuấn A1, Nguyễn Đức M đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự chung, vi phạm nếp sống văn minh, quy tắc ứng xử trong cuộc sống, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường trong khu vực dân cư. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do đó phải xử lý các bị cáo và áp dụng hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo nói riêng và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo phạm tội không có sự bàn bạc và cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức” mà chỉ là đồng phạm giản đơn, nhưng cần phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn C là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia đánh nhau và là người thực hành tích cực nhất, bị cáo cùng với các bị cáo khác dùng hung khí là vỏ chai bia ném vào nhóm của Nguyễn Hữu T12; ngoài ra, C cùng với Đinh Sỹ H8 là người đứng đầu nhóm “Đ5 khai sát giới”. Do đó C đứng vai trò đầu vụ. Bị cáo Nguyễn Hữu T12 do mâu thuẫn với C, khi C gọi điện thách thức đánh nhau nên T12 đã cùng Nguyễn Văn L4, Lê Tuấn A1, Nguyễn Đức M cầm gậy bi-a đánh nhau với nhóm của C, do đó T12 có vai trò thứ hai sau C. Đối với Đinh Sỹ H8 và Lê Văn A cùng với C khởi xướng việc đi lấy vỏ chai bia cho những người khác sử dụng và là những người thực hành tích cực nên các bị cáo có vai trò thứ ba trong vụ án. Các bị cáo Hà Văn H1, Lê Hồng T3, Lê Minh Q, Nguyễn Trung K, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn L4, Lê Văn T9, Vũ Tấn T10, Lương Hữu Huy H3, Lê Tuấn A1 và Nguyễn Đức M là những người trực tiếp thực hiện hành vi nên có vai trò như nhau trong vụ án.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

[5.1] Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn C, Đinh Sỹ H8, Hà Văn H1 đều

thú; bị cáo Lê Hồng T3 đầu thú, gia đình đang thờ cúng liệt sỹ Lê Hồng H9; bị cáo Nguyễn Văn L4 đầu thú, tham gia ủng hộ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, gia đình chính sách; bị cáo Nguyễn Hữu T12 đầu thú, đã ủng hộ quỹ khuyến học, tham gia hiến máu tình nguyện; bị cáo Nguyễn Trung K có bố là ông Nguyễn Tiến L2 được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang Hạng ba, Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất; bị cáo Lương Hữu Huy H3, mẹ chết, gia đình có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ nghèo, hiện nay đang đi học, gia đình đang thờ cúng liệt sỹ Lương Hữu D3; bị cáo Lê Minh Q có bà nội là Hồ Thị K1 được tặng kỷ niệm chương chiến sỹ T, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị bệnh hiểm nghèo, có xác nhận của UBND xã H; bị cáo Nguyễn Văn D tham gia ủng hộ người nghèo năm 2025; bị cáo Lê Văn A có bà nội là Lê Thị H10 được nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba; bị cáo Lê Văn T9 đã tham gia ủng hộ quỹ người nghèo, luôn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, từ trước đến nay không có vi phạm gì, được chính quyền địa phương xác nhận, phạm tội với vai trò thứ yếu; gia đình Vũ Tấn T10 đang thờ cúng liệt sỹ Vũ Văn K2, phạm tội với vai trò thứ yếu; bị cáo Lê Tuấn A1 có ông nội là Lê Văn C4 được Chủ tịch UBND tỉnh T tặng Bằng khen trong cuộc kháng chiến chống pháp; bị cáo Nguyễn Đức M có ông nội là Nguyễn Đức H11, ông ngoại Nguyễn Văn L8 và bà ngoại Nguyễn Thị S3 được Chủ tịch UBND tỉnh T tặng Bằng khen trong cuộc kháng chiến chống mỹ cứu nước, phạm tội với vai trò thứ yếu nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5.3] Nhân thân: Bị cáo Hà Văn H1 đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa truy tố về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự theo Cáo trạng số 09/CT-VKSNN ngày 26/3/2024 nên khi quyết định hình phạt cần xem xét về nhân thân của bị cáo.

[6] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn C giữ vai trò đầu là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác và là người thực hành tích cực nhất nên bị cáo có mức hình phạt cao nhất. Các bị cáo Đinh Sỹ H8 và Lê Văn A khởi xướng việc đi lấy vỏ chai bia cho những người khác sử dụng và là những người thực hành tích cực, bị cáo Nguyễn Hữu T12 do mâu thuẫn với C, đã thách thức đánh nhau với C và cùng các bị cáo L4, Tuấn A1, M tham gia thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo có mức hình phạt tương đương nhau và sau C. Các bị cáo Hà Văn H1, Lê Hồng T3, Lê Minh Q, Nguyễn Trung K, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn L4, Lương Hữu Huy H3 và Lê Tuấn A1 là những người trực tiếp thực hiện hành vi nên có vai trò như nhau trong vụ án và có mức hình phạt như nhau, tuy nhiên bị cáo H1 có nhân thân xấu nên mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo Lê Văn T9, Vũ Tấn T10 và Nguyễn Đức M thực hiện hành vi với vai trò là đồng phạm hạn chế hơn nên các bị cáo xếp ở vị trí sau cùng và có hình phạt như nhau.

Bị cáo Nguyễn Văn C có vai trò đầu trong vụ án, bị cáo Đinh Sỹ H8 thực hiện hành vi tích cực, ngoài ra C, H8 là người đứng đầu nhóm "Đ5 khai sát giới", tụ tập thanh thiếu niên thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; bị cáo Hà Văn H1 có nhân thân xấu, do đó cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo.

Đối với các bị cáo Lê Hồng T3, Lê Văn A, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trung K, Lê Minh Q, Lê Văn T9, Vũ Tấn T10, Lương Hữu Huy H3, Nguyễn Hữu T12, Nguyễn Văn L4, Lê Tuấn A1, Nguyễn Đức M không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nơi cư trú; các bị cáo Lê Hồng T3, Lê Văn A, Nguyễn Văn D, Lê Minh Q, Lê Văn T9, Vũ Tấn T10, Lương Hữu Huy H3, Lê Tuấn A1, Nguyễn Đức M khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có khả năng tự cải tạo, việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự nên không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương là phù hợp với quy định của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[7] Bị cáo Lê Hồng T3 xử phạt tù nhưng được hưởng án treo, không bị tạm giam trong vụ án khác nên áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên bố trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa.

[8] Trong vụ án này có Lê Trương C3; Hồ Quang Đ2; Trương Đình Duy A2; Nguyễn Quốc Đ4; Lê Quốc Nghĩa T19; Lê Đình N3; Nguyễn Danh V2 đều có hành vi tham gia xô xát đánh nhau, tính đến thời điểm thực hiện hành vi chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự (chưa đủ 16 tuổi) do đó cơ quan Cảnh sát điều tra Công an đã chuyển hồ sơ xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Vật chứng: 01 gậy gỗ tròn dài 73,5cm, đầu lớn đường kính 3cm, đầu nhỏ đường kính 2,2cm, đầu nhỏ bọc kim loại màu trắng có vít vặn nối gậy và các mảnh vỡ thủy tinh là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Án phí: Các bị cáo là người bị kết án và không thuộc trường hợp miễn án phí nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo Lương Hữu Huy H3 là đối tượng hộ cận nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Đinh Sỹ H;

Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự; Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Hà Văn H1;

Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T12, Nguyễn Văn L4 và Nguyễn Trung K;

Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 119, Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên đối với các bị cáo Lê Hồng T3; Lê Văn A, Nguyễn Văn D, Lê Minh Q, Lê Văn T9, Vũ Tấn T10, Lương Hữu Huy H3, Lê Tuấn A1 và Nguyễn Đức M;

Khoản 4 Điều 328 (Đối với Lê Hồng T3); điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Đinh Sĩ H, Hà Văn H1, Lê Hồng T3, Lê Văn A, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trung K, Lê Minh Q, Lê Văn T9, Vũ Tấn T10, Lương Hữu Huy H3, Nguyễn Hữu T12, Nguyễn Văn L4, Lê Tuấn A1, Nguyễn Đức M phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt:

1. Bị cáo Nguyễn Văn C **30** (Ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/10/2024.

2. Bị cáo Đinh Sĩ H **27** (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/10/2024.

3. Bị cáo Hà Văn H1 **21** (Hai mươi mốt) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/10/2024.

4. Bị cáo Nguyễn Hữu T12 **27** (Hai mươi bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **54** (Năm mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Bị cáo Lê Văn A **18** (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **36** (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Bị cáo Nguyễn Văn L4 **24** (Hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **48** (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Bị cáo Nguyễn Văn D **18** (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **36** (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

8. Bị cáo Nguyễn Trung K **24** (Hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **48** (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

9. Bị cáo Lê Hồng T3 **18** (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **36** (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

10. Bị cáo Lê Tuấn A1 **18** (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **36** (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

11. Bị cáo Lê Minh Q **18** (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **36** (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

12. Bị cáo Lương Hữu Huy H3 **18** (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **36** (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

13. Bị cáo Lê Văn T9 **15** (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **30** (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

14. Bị cáo Vũ Tấn T10 **15** (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **30** (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

15. Bị cáo Nguyễn Đức M **15** (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **30** (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu T12, Lê Văn A, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trung K và Lê Tuấn A1 cho Ủy ban nhân dân xã H; bị cáo Nguyễn Văn L4 cho Ủy ban nhân dân xã H, bị cáo Lê Minh Q cho Ủy ban nhân dân xã H; bị cáo Lê Hồng T3 cho Ủy ban nhân dân thị trấn B; bị cáo Lương Hữu Huy H3 cho Ủy ban nhân dân xã H; bị cáo Lê Văn T9 cho Ủy ban nhân dân xã H; bị cáo Vũ Tấn T10 cho Ủy ban nhân dân xã H và bị cáo Nguyễn Đức M cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 gậy gỗ tròn dài 73,5cm, đầu lớn đường kính 3cm, đầu nhỏ đường kính 2,2cm và các mảnh vỡ thủy tinh (Chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng số 35/BBGN ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa).

Án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn C, Đinh Sỹ H8, Hà Văn H1, Lê Hồng T3, Lê Văn A, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trung K, Lê Minh Q, Lê Văn T9, Vũ Tấn T10, Nguyễn Hữu T12, Nguyễn Văn L4, Lê Tuấn A1, Nguyễn Đức M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Hữu Huy H3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo; người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo (Hà Văn H1, Lê Hồng T3, Lê Văn A, Lê Minh Q, Lê Văn T9, Vũ Tấn T10, Nguyễn Hữu Huy H12 và Nguyễn Đức M) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa;
- Cơ quan THAHS CA huyện Hoằng Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- Các bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Nga